

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BUÔN HỒ  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09-7-2024

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Kim Chung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Y Kim Kriêng, ông Y Dhiều Hmok.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ:* Ông Huỳnh Phi Hải – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lý Thị V**, sinh năm 2000 – Có mặt

Địa chỉ: **Thôn C, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk**

Bị đơn: Anh **Hoàng Văn T**, sinh năm 1998 - Vắng mặt,

Địa chỉ: **Thôn A, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk**

Hiện đang bị tạm giam trong vụ án khác, chờ chấp hành án và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Lý Thị V** trình bày có nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị **V** và anh **T** là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại **UBND xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk** vào ngày 19/02/2020, sau khi kết hôn chị **V** và anh **T** xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và đã sống ly thân

từ cuối năm 2020 đến nay. Chị **V** thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được và hiện nay anh **T** đang bị tạm giam vì phạm tội trộm cắp tài sản, nên chị **V** yêu cầu được ly hôn với anh **T**.

Về con chung: Chị **V** và anh **T** chưa có con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh **Hoàng Văn T** hiện đang bị tạm giam trong vụ án khác. Quá trình giải quyết vụ án đã tự khai. Anh **T** trình bày có kết hôn với chị **V** năm 2020, quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng chị **V** xin ly hôn thì anh **T** không đồng ý lý do anh **T** vẫn còn tình cảm với chị **V**. Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Anh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 22-4-2024 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, ngày 02-5-2024, Tòa án thông báo nộp tạm ứng án phí, ngày 06-5-2024 nguyên đơn nộp tạm ứng án phí. Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị **Lý Thị V** và anh **Hoàng Văn T** là quan hệ hôn nhân hợp pháp, trong quá trình chung sống chị **V** xác định vợ chồng chung sống không hạnh phúc và đã ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Vì vậy, chị **V** yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **T**.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú về tình trạng hôn nhân của chị **V** và anh **T** cung cấp như sau: Quá trình chung sống anh **T** có sử dụng ma

túy, không lo tu chí làm ăn dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân khoảng 03 năm.

Mặc dù anh **T** thừa nhận là trong quá trình chung sống thì vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đồng ý ly hôn, Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị **V** và anh **T** đã vi phạm đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và hiện nay anh **T** đang bị tạm giam trong vụ án khác, chờ chấp hành án nên cho chị **V** ly hôn anh **T** là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị **V** và anh **T** không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị **Lý Thị V** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bị đơn anh **Hoàng Văn T** không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào:*

*- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;*

*- Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;*

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Lý Thị V**.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chị **Lý Thị V** được ly hôn với anh **Hoàng Văn T**.
2. **Về con chung:** Không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập.
3. **Về tài sản chung và công nợ chung:** Chị **Lý Thị V** và anh **Hoàng Văn T** không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập.
4. **Về án phí:** Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn chị **Lý Thị V** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2023/0001457 ngày 06-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B.

Bị đơn anh **Hoàng Văn T** không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã B;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trương Kim Chung**